

**XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH
VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027**

Tên đơn vị: Trường Phổ Thông Nguyễn Trực

Địa chỉ: Thôn Đông Lư, xã Hưng Đạo, Tp.Hà Nội

Điện thoại: 024665525555 **Mail:** c3nguyentruc-qo@hanoiedu.vn

Hiệu trưởng: Nguyễn Hữu Hòa **Điện thoại:** 0375529408

Căn cứ xác định chỉ tiêu:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14; Luật Giáo dục sửa đổi số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 15;

- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ ban hành Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

- Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

- Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

- Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông; Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tự thực;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 14/2024/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông; Thông tư số 06/VBHN-BGDĐT ngày 10/6/2024 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông.

- Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Nội dung xác định như sau:

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức bộ máy và đội ngũ

Tiêu chí 1. Trường học

- Quyết định thành lập: Quyết định số 1057/QĐ-SGDĐT ngày 03/3/2026 em nhé. Đây là số QĐ Thành lập Hội đồng trường mới nhé
- Quyết định chuyển đổi hoặc Quyết định đổi tên trường (nếu có).

-
- Quyết định cấp phép hoạt động hoặc chuyển địa điểm hoạt động (nếu có).
-

- Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu và công tác quản lý dấu.

Giấy chứng nhận số 2730/2018/ĐKMCĐ ngày 16/11/2018

- Quy chế tổ chức và hoạt động.

Quyết định số 09/QĐ-NT ngày 5/9/2025 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động.

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

Tiêu chí 2. Các tổ chức đoàn thể

- Quyết định công nhận Hội đồng trường.

Quyết định 249/QĐ-SGDĐT ngày 07/02/2023

- Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng.

02 tổ chuyên môn; 01 tổ văn phòng

- Tổ chức Đảng, số đảng viên.

Số 59 /QĐ/HU ngày 07/07/2025 quyết định về việc thành lập chi bộ trường Phổ Thông Nguyễn Trục gồm 10 Đảng viên

- Tổ chức Công đoàn

Số 170/ QĐ – LĐLĐ về việc công nhận BCH ngày 8/2/2023, 20 người

- Tổ chức Đoàn TNCSHCM.

Số 10 – QĐ/ĐTN về việc công nhận Ban chấp hành thường vụ Đoàn trường PTNT nhiệm kỳ 2025 -2026.

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

Tiêu chí 3. Đội ngũ

- Cán bộ quản lý

+ Hiệu trưởng : Nguyễn Hữu Hòa trên đại học: Thạc sĩ khoa học giáo dục trường đại học sư phạm 1 Hà Nội

+ Phó hiệu trưởng Nguyễn Thị Thu Hà Trình độ đại học: Cử nhân sư phạm khoa GDCT- trường đại học sư phạm Thái Nguyên

- Tổng số giáo viên: 36 người

+ Trình độ giáo viên đại học: 35 người; trên đại học: 01 người.

+ Giáo viên cơ hữu: 15 người, chiếm 42,86 %.

+ Giáo viên thỉnh giảng (có hợp đồng thỉnh giảng): 20 người, chiếm 57,14%.

- Tổng số nhân viên: 10 (cơ hữu: 10 người, chiếm 100 %), trong đó:

+ Bộ phận hành chính: 01 người.

- + Cán bộ thí nghiệm: 01 người.
- + Cán bộ thư viện: 01 người.
- + Nhân viên y tế: 01 người.
- + Nhân viên kế toán: 01 người.

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

(Chú ý: Định mức giáo viên với THPT là 2,25 GV/lớp, có đủ các bộ môn với trình độ từ ĐH trở lên, nếu tổng số GV thấp hơn định mức thì không đạt. GV cơ hữu có đóng BHXH hoặc có hợp đồng dài hạn, thời gian làm việc liên tục tại đơn vị. Tỷ lệ GV cơ hữu cấp THPT nếu ít hơn 40% thì coi như tiêu chí này không đạt).

- Lưu ý: Từ Tiêu chí 1-3 phải có hồ sơ, minh chứng kèm theo

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1: Đạt Không đạt

(Chú ý: Nguyên tắc đánh giá tiêu chuẩn 1, điều kiện tiên quyết có Hiệu trưởng và tỷ lệ GV cơ hữu phải đạt tối thiểu 40%. Nếu vi phạm điều kiện tiên quyết thì tiêu chuẩn 1 không đạt).

Tự đánh giá Đạt Không đạt

Tiêu chí 3: Cán bộ kỹ thuật có đủ số

Đã có cơ sở minh chứng

Đã lập hợp đồng thuê ngoài của nhân viên kỹ thuật

Hợp đồng số 42/HĐ-THPT ngày 20/10/2019 và phụ lục của hợp đồng số 42/HĐ-THPT ngày 20/10/2019. Thời hạn 03 tháng từ 10/11/2019 đến hết năm 2020.

Hợp đồng số 05/HĐ-THPT ngày 28/10/2019 về phụ lục của hợp đồng số 42/HĐ-THPT số Đông Quang cấp

+ Mọi chi tiết phải có đủ hồ sơ pháp lý đầy đủ minh chứng kèm theo

+ Các bằng chứng kèm theo minh chứng

+ Đối với các cơ sở khác như sau:

+ Các bằng chứng minh chứng kèm theo minh chứng về việc đã có hồ sơ minh chứng kèm theo

+ Các bằng chứng minh chứng kèm theo minh chứng

+ Các bằng chứng minh chứng kèm theo minh chứng (bản sao minh chứng kèm theo công trình đã và đang xây dựng). Nguyên nhân (VVD)

Tự đánh giá Đạt Không đạt

Tiêu chí 3: Phòng bảo vệ phòng vệ môn và thư viện

Đã đủ phòng bảo vệ và phòng vệ môn và thư viện và phòng y tế và phòng kế toán và phòng văn thư và phòng khác

Đã phòng vệ môn và thư viện

Tiêu chuẩn 2: Về cơ sở vật chất

Tiêu chí 1. Diện tích đất trường học

- Diện tích đất, diện tích sử dụng đảm bảo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2024/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học : Đúng quy định

- Có sân chơi bãi tập cho học sinh (*tiêu chuẩn diện tích sân trường 1,50 m²/học sinh, sân thể dục thể thao 0,35 m²/học sinh nhưng tổng diện tích sân không được nhỏ hơn 350 m²*) và khoảng cách không quá 200 m so với chỗ học : Đúng quy định

- Nhà vệ sinh

+ Có đủ khu vệ sinh giáo viên nam, giáo viên nữ riêng : Đầy đủ

+ Có đủ khu vệ sinh học sinh nam, học sinh nữ riêng : Đầy đủ

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

Tiêu chí 2. Quyền sử dụng đất và tài sản

- Đối với cơ sở thuê mượn địa điểm:

+ Hợp đồng thuê mượn còn thời hạn ít nhất là 05 năm học: Đủ

Hợp đồng số 42/HĐ-UBND ngày 2010 và phụ lục của hợp đồng số 03/PLHĐ-UBND ngày 05/01/2022 (Thời hạn là 5 năm kể từ 1/1/2022 đến hết ngày 31/12/2026)

Hợp đồng số 05/PLHĐ- UBND ngày 12/6/2025 về phụ lục gia hạn hợp đồng do UBND xã Đồng Quang cấp.

+ Bên cho thuê phải có đủ cơ sở pháp lý quy định:.....

+ Chức năng sử dụng đất: Xây trường học

- Đối với các cơ sở được giao đất:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số số:..... Cấp ngày tháng năm

+ Chức năng sử dụng đất:

+ Các giấy tờ khác có liên quan: Giấy phép xây dựng (*nếu có*), Nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng (*nếu có*), Nghiệm thu PCCC

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

Tiêu chí 3. Phòng học, phòng bộ môn và thư viện

- Có đủ phòng học theo quy định tại Thông tư số 14/2024/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Có ít nhất 9 phòng học; Diện tích phòng học tối thiểu 1,5 m²/học sinh*).

Đủ phòng theo quy định

- Phòng bộ môn, khôi phục vụ học tập theo quy định theo quy định tại Thông tư số 14/2024/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 và Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Có ít nhất 5 phòng học bộ môn ; Diện tích phòng học tối thiểu 2 m²/học sinh*).

- Đủ phòng theo quy định
- Thư viện: Đạt chuẩn Không đạt chuẩn
- Phòng Y tế : 01 phòng

-Sơ đồ vị trí phòng học, phòng học bộ môn, các phòng chức năng, thư viện, khu làm việc của trường, sân chơi, nhà thể chất,.....

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

Tiêu chí 4. Trang thiết bị và danh mục thiết bị dạy học tối thiểu

- Trang thiết bị dạy học
 - + Phòng máy tính (*đảm bảo 02 học sinh/một máy*):
01 phòng máy tính / 20 máy /12 lớp/ 475 học sinh
 - + Đầy đủ bàn, bàn ghế cho giáo viên và học sinh theo quy định: Đầy đủ
 - + Đầy đủ hệ thống chiếu sáng học đường theo quy định: Đáp ứng đúng quy định

- Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

+ Có danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021; Thông tư số 06/VBHN-BGDĐT ngày 10/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Có hóa đơn tài chính và hợp đồng mua sắm thiết bị: Trường có hóa đơn , hợp đồng mua bán trang thiết bị dạy học dùng chung. Tổng giá trị hợp đồng: 404.163.704 VNĐ chiếm tỉ lệ 11%

Trang thiết bị và đồ dùng dạy học tự làm: Có

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

Tiêu chí 5. Điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo an toàn

- Đối với công trình xây dựng trường học: Có hồ sơ, tài liệu minh chứng việc bảo đảm điều kiện an toàn về công trình xây dựng trường học theo quy định của pháp luật.

- Điều kiện về phòng cháy chữa cháy: Có hồ sơ, tài liệu minh chứng việc bảo đảm điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

- Lưu ý: Từ Tiêu chí 1-5 phải có hồ sơ, minh chứng kèm theo

Tự đánh giá tiêu chuẩn 2: Đạt Không đạt

(Chú ý: Nguyên tắc đánh giá tiêu chuẩn 2, điều kiện tiên quyết là nhà trường đảm bảo điều kiện phòng cháy chữa cháy và có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc có Hợp đồng thuê mượn địa điểm

theo đúng quy định; không sử dụng tầng cao công trình từ tầng 5 trở lên làm phòng học. Nếu vi phạm điều kiện tiên quyết thì tiêu chuẩn 2 không đạt).

Tiêu chuẩn 3: Công tác chuyên môn

Tiêu chí 1. Công tác chỉ đạo của chuyên môn

- Sổ Nghị quyết, sổ họp hội đồng sư phạm, sổ đảng bộ, sổ theo dõi đánh giá học sinh (theo lớp), sổ ghi đầu bài, sổ quản lý cấp phát văn bằng, sổ chủ nhiệm, chứng chỉ, hồ sơ khen thưởng, kỷ luật học sinh:

Có đầy đủ hồ sơ theo quy định

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường (theo năm học), Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn (theo năm học), Kế hoạch giáo dục của giáo viên (theo năm học), Kế hoạch giảng dạy, ...: Đầy đủ đúng quy định

- Kế hoạch hoạt động của các tổ chức đoàn thể: Đầy đủ

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

Tiêu chí 2. Tổ nhóm chuyên môn và giáo viên

- Sổ sách sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo quy định.

- Hồ sơ sổ sách của từng giáo viên theo quy định.

- Sổ chủ nhiệm.

Đầy đủ theo đúng quy định

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3:

Đạt Không đạt

Đầy đủ theo quy định

Tiêu chuẩn 4: Công tác tài chính**Tiêu chí 1. Công tác thu và chi**

- Công tác thu

+ Tổng thu học phí: 2.997.500.000 VNĐ.

+ Tổng các khoản thu hợp lý, hợp lệ khác của trường: 2.802.500.000 VNĐ.

+ Mức thu học phí bình quân của 01 học sinh/1tháng:

Năm học	Học phí lớp 10 (VNĐ)	Học phí lớp 11 (VNĐ)	Học phí lớp 12 (VNĐ)
2026 - 2027	550.000	700.000	800.000
2027 - 2028	550.000	700.000	800.000
2028 - 2029	600.000	750.000	850.000

- Công tác chi

Tổng chi: 5.612.897.841 nghìn đồng, trong đó:

+ Chi lương và các khoản theo lương: 4.332.033.349 VNĐ, tỷ lệ chi 77,18 %.

+ Chi mua sắm trang thiết bị, sách thư viện: 93.757.800 VNĐ, tỷ lệ chi 1,67 %.

+ Chi đầu tư cơ sở vật chất : 342.611.440 VNĐ, tỷ lệ chi 6,1 %.

+ Chi đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động: 394.428.160 VNĐ, tỷ lệ chi 7,03 %.

+ Chi đóng bảo hiểm y tế cho người lao động: 55.424.272 VNĐ, tỷ lệ chi 0,99 %.

+ Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hoạt động phong trào): 394.729.860 VNĐ, tỉ lệ 7,03 %

Tự đánh giá: Đạt Không đạt

(Chú ý: Nếu đơn vị không công khai mức thu học phí và mức chi thì tiêu chí này không đạt).

Tiêu chí 2. Thực hiện báo cáo tài chính

- Mở sổ sách tài chính theo quy định.

.....

- Đăng ký mã số thuế theo quy định: Đã có : 0105935201

- Báo cáo tài chính và quyết toán thuế năm T (T=năm tuyển sinh -1):

Báo cáo tài chính năm 2025 : Chưa cập nhập xong

- Báo cáo Kiểm kê định giá giá trị tài sản năm T (T=năm tuyển sinh -1).

Báo cáo Kiểm kê định giá giá trị tài sản năm 2025 : Chưa cập nhập xong

- Báo cáo tài chính được kiểm toán năm T (T=năm tuyển sinh -1).

Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025 : Chưa cập nhập xong

- Nộp báo cáo tài chính năm cho cơ quan quản lý tài chính và giáo dục cấp trên năm T (T=năm tuyển sinh -1).

- Bảng lương của trường (12 tháng/năm tuyển sinh -1).

Bảng lương của trường 12 tháng năm 2025: Đầy đủ

- Quy chế chi tiêu nội bộ (năm tuyển sinh -1): Đầy đủ

Tự đánh giá: Có Không

Tiêu chí 3. Thực hiện công khai theo Thông tư số 09/TT-BGDĐT

- Biểu mẫu cam kết thực hiện ba công khai theo quy định (gồm có: Quy mô lớp và học sinh; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; Chất lượng giáo dục, đào tạo của nhà trường...).

- Hình thức công khai (trên bảng tin của nhà trường và công thông tin của nhà trường).

- Thực hiện thông tin báo cáo định kỳ.

* Lưu ý: Biên bản mở công khai, Biên bản đóng công khai ...

Tự đánh giá: Có Không

- Lưu ý: Từ Tiêu chí 1-3 phải có hồ sơ, minh chứng kèm theo

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4: Đạt Không đạt

(Chú ý: Nguyên tắc đánh giá về tiêu chuẩn 4, điều kiện tiên quyết đơn vị có đủ báo cáo tài chính và báo cáo quyết thuế năm 2023 và năm 2024, nếu thiếu thì tiêu chuẩn 4 không đạt; Báo cáo Tài chính có đầy đủ các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa; các hồ sơ theo quy định của cơ quan thuế và Thông báo chấp nhận việc nộp hồ sơ của cơ quan thuế đối với báo cáo của đơn vị; thực hiện nghiêm túc Luật Bảo hiểm xã hội, đóng bảo hiểm xã hội cho giáo viên cơ hữu và người lao động trong đơn vị theo đúng quy định).

Tiêu chuẩn 5. Công tác tuyển sinh và Kiểm định chất lượng giáo dục

Tiêu chí 1. Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh

1. Học sinh được kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo quy chế đánh giá và xếp loại học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Việc kiểm tra, đánh giá học sinh được thực hiện theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; bảo đảm tính toàn diện, công bằng, trung thực, khách quan, vì sự tiến bộ của học sinh, coi trọng việc động viên khuyến khích học sinh tiến bộ; chú trọng đánh giá quá trình học tập của học sinh; đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; không so sánh học sinh này với học sinh khác và không gây áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

3. Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được dự thi tốt nghiệp và nếu đạt yêu cầu thì được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông. Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, đủ điều kiện dự

thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng không dự thi tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp không đạt yêu cầu thì được hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.

4. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá kết quả học tập, giáo dục học sinh được thực hiện theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục, bảo đảm yêu cầu đánh giá vì sự phát triển học sinh, thúc đẩy các phương pháp và hình thức dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Tự đánh giá: Có Không

Tiêu chí 2. Thực hiện quy định về tuyển sinh

+ Thời gian tuyển sinh có đúng theo quy định không: Đúng quy định
+ Địa điểm tuyển sinh có đúng theo như đã đăng ký không: Đúng quy định
+ Đã có đăng ký tuyển sinh theo hình thức trực tuyến không: Đúng quy định

+ Chỉ tiêu giao. Số học sinh đã tuyển.

+ Thực hiện nghiêm túc Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

Tự đánh giá: Có Không

Tiêu chí 3. Quản lý hồ sơ học sinh.

+ Hồ sơ tuyển sinh (Hợp lệ/không lệ): Hợp lệ

+ Danh sách học sinh chuyển đi, chuyển đến, bỏ học: Hợp lệ

+ Sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ : Đúng quy định

- Lưu ý: Từ Tiêu chí 1-3 phải có hồ sơ, minh chứng kèm theo

Tự đánh giá: Có Không

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5: Đạt Không đạt

Chú ý: Hồ sơ xác định chỉ tiêu tuyển sinh đảm bảo đủ điều kiện và có kèm theo minh chứng pháp lý theo quy định; Đơn vị nào vi phạm một trong ba tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 2, Tiêu chuẩn 3) sẽ không đủ điều kiện tuyển sinh.

Cam kết tổ chức đăng ký tuyển sinh theo hình thức trực tuyến theo đúng thời gian quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Có Không

NHÀ ĐẦU TƯ
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Long

Ngày 9 tháng 3 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Hữu Hòa

Phụ lục 1: Biểu tổng hợp giáo viên và trình độ giáo viên

TT	Giáo viên môn	Tổng số	Chia ra		Chia theo trình độ đào tạo			
			Cơ hữu	Thỉnh giảng	Đại học	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Khác
1	Ngữ văn	4	3	1	4	0	0	0
2	Lịch sử	3	1	2	2	1	0	0
3	Địa lý	2	1	1	2	0	0	0
4	GDCông dân	2	2	0	2	0	0	0
5	Tiếng Anh	4	2	2	4	0	0	0
6	N.Ngữ khác	0	0	0	0	0	0	0
7	Toán học	6	3	3	6	0	0	0
8	Vật lý	4	3	1	4	0	0	0
9	Hóa học	1	0	1	1	0	0	0
10	Sinh học	0	0	0	0	0	0	0
11	Công nghệ	0	0	0	0	0	0	0
12	Tin học	3	0	3	3	0	0	0
13	GD thể chất	3	0	3	3	0	0	0
14	GD quốc phòng	3	0	3	3	0	0	0
15	Mỹ thuật	0	0	0	0	0	0	0
16	Âm nhạc	0	0	0	0	0	0	0

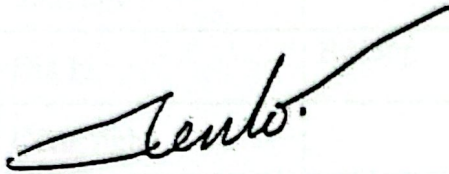
Tổng cộng	35	15	20	34	1	0	0
Tỷ lệ %	100%	42,86%	57,14%	97,14%	2,86%	0	0

(Có danh sách giáo viên kèm theo)

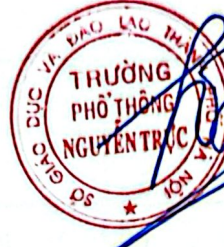
Ngày 9 tháng 3 năm 2026

NHÀ ĐẦU TƯ
(Ký và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Long



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Hữu Hòa

Phụ lục 2: Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GDĐT

TT	Môn học	Đơn vị tính	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Ghi chú
1	Toán học	Bộ/ lớp	04	04	04	
2	Vật lý	Bộ/ lớp	04	04	04	
3	Hoá Học	Bộ/ lớp	04	04	04	
4	Sinh học					
5	Địa lý	Bộ/ lớp	02	02	02	
6	Công nghệ					
7	Giáo dục công dân	Bộ/ lớp	04	04	04	
8	Lịch sử	Bộ/ lớp	02	02	02	
9	Tin học	Phòng máy	01	01	01	
10	Văn học	Bộ/ lớp	04	04	04	
11	Ngoại ngữ	Bộ/ lớp	01	01	01	
12	GD quốc phòng	Bộ/ lớp	01	01	01	
13	GD Thể chất	Bộ/ lớp	01	01	01	
14	Âm nhạc		0	0	0	
15	Mỹ thuật		0	0	0	
16	Thiết bị dùng chung	Bộ	12	12	12	

NHÀ ĐẦU TƯ
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Long

Ngày 9 tháng 3 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Hữu Hòa

Phụ lục 4: Cơ sở vật chất

1. Cơ sở vật chất

- Tổng diện tích đất: 12.500 m²
- Tổng diện tích sử dụng: 12.500 m²
- Tổng diện tích sân chơi: 6.400 m²
- Bình quân diện tích đất hoặc diện tích sử dụng/học sinh: 26.32 m²

2. Phòng học văn hóa

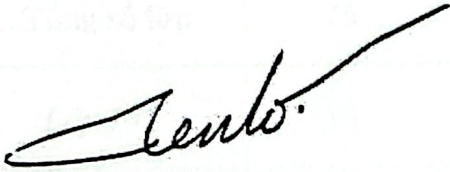
Phòng học	Tổng số	Chia ra		
		Kiên cố	Bán kiên cố	Cấp 4
Phòng học văn hóa	50	50		

3. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm, chức năng)

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn (ghi rõ nội dung chưa đạt)
1. Vật lý	1	70m ²	x	
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
2. Hóa học	1	70m ²	x	
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
3. Sinh học				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
4. Công nghệ				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
5. Ngoại ngữ	1	70m ²	x	
6. Tin học				
<i>Số máy vi tính</i>	22	70m ²	x	
7. Phòng đa năng				
8. Âm nhạc				
9. Mỹ thuật				
10. Thư viện	1	100m ²	x	
11. Nhà thể chất				

12. Phòng Y tế	01	60m ²	x	
----------------	----	------------------	---	--

NHÀ ĐẦU TƯ
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Long

Ngày 9 tháng 3 năm 2026
HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Hữu Hòa

Phụ lục 5: Công tác tuyển sinh

	Năm học 2025 - 2026			Dự kiến năm học 2026-2027
	Chỉ tiêu giao	Thực hiện	Giảm	
1. Tổng số lớp	26	12	14	16
<i>Lớp 10</i>	10	4	6	8
<i>Lớp 11</i>	8	4	4	4
<i>Lớp 12</i>	8	4	4	4
2. Tổng số học sinh	1.170	543	627	675
<i>Lớp 10</i>	450	179	271	360
<i>Lớp 11</i>	360	163	197	145
<i>Lớp 12</i>	360	201	159	170

Ngày tháng năm 2026

NHÀ ĐẦU TƯ
(Ký và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Long



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Hữu Hòa